TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-11-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Lành

bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (không tham gia).

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Ngọc H; cư trú tại: ấp Q, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* anh Chang, Chun - L; cư trú tại: số B, đoạn D, lộ S, khóm C, thôn V, làng K, huyện N, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn chị H trình bày: chị và anh Chang, Chun - L kết hôn vào năm 2019, có đăng ký tại Ủy ban nhân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, anh Chang, Chun – L trở về Trung Hoa Dân Quốc còn chị ở lại Việt Nam. Trong quá trình chị làm hồ sơ phỏng vấn để xin cấp visa thì giữa chị và anh Chang, Chun – L bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Từ đó, vợ chồng không còn liên lạc nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Chang, Chun - L.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại giấy đồng ý ly hôn ngày 21 tháng 01 năm 2022, bị đơn anh Chang, Chun – L trình bày: anh và chị Lê Thị Ngọc H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chờ đợi cấp visa cho chị Lê Thị Ngọc H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Sau khi anh trở về Trung Hoa Dân Quốc thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nhưng do tính tình không hợp nên không còn liên lạc nữa. Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H. Anh và chị Lê Thị Ngọc H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H và bị đơn anh Chang, Chun – L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Chị Lê Thị Ngọc H và anh Chang, Chun – L kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc H là công dân Việt Nam với anh Chang, Chun – L quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn không có nơi cư trú, làm việc ở Việt Nam, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú giải quyết, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Theo Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Chang, Chun – L không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó. Chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn, anh Chang, Chun – L đồng ý. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình việc chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Chang, Chun – L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Lê Thị Ngọc H không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc H. Cho chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Chang, Chun – L.

2. Án phí: chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 265 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết Lê Thị Ngọc H được quyền kháng cáo. Anh Chang, Chun – L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHM: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn